

**TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**ĐẠO ĐỨC XÃ HỘI VÀ ĐẠO ĐỨC TÔN GIÁO  
ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT**

TRẦN NGỌC SƠN<sup>(\*)</sup>

**N**hững năm gần đây, quá trình phát triển kinh tế-xã hội theo cơ chế thị trường, cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa, không ít giá trị đạo đức đã bị xói mòn, suy giảm nghiêm trọng. Chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền, tệ nạn xã hội, tệ tham nhũng, buôn lậu... có chiều hướng phát triển. Sự suy giảm giá trị đạo đức làm cho việc đấu tranh khắc phục sự suy giảm về đạo đức xã hội chắc chắn là một công việc lâu dài, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi phải có nỗ lực và quyết tâm cao, phải tiến hành kiên quyết và đồng bộ với nhiều giải pháp thiết thực, cụ thể. Điều quan trọng là cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, phải từng bước xây dựng đạo đức mới, biết kết hợp hài hòa lợi ích xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân, khắc phục và đẩy lùi các nguyên nhân gây ra sự xuống cấp đạo đức. Tất nhiên, xây dựng đạo đức mới trong điều kiện kinh tế thị trường không phải là một vấn đề đơn giản, dễ dàng. Vì vậy, cần thiết phải có những biện pháp thích hợp để những giá trị đạo đức mới có thể từng bước phát triển. Trong quá trình xây dựng nền đạo đức phù hợp với sự phát triển trong giai đoạn hiện nay, việc

phân biệt những điểm tương đồng và khác biệt giữa đạo đức xã hội và đạo đức tôn giáo (qua khảo sát chủ yếu hai tôn giáo lớn ở Việt Nam: Phật giáo và Công giáo) để nhận thức và vận dụng những yếu tố hợp lý, đồng thời khắc phục mặt hạn chế của đạo đức tôn giáo vào quá trình xây dựng nền đạo đức mới là một trong những vấn đề thiết thực mang tính khả thi cao. Hiện nay, trên tinh thần đổi mới nhận thức về tôn giáo, Đảng và Nhà nước Việt Nam nhận định tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, trong tôn giáo có những giá trị tốt đẹp về đạo đức, văn hóa. Vấn đề đạo đức tôn giáo được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Các giáo lí tôn giáo đều chứa đựng một số giá trị đạo đức nhân bản rất hữu ích cho việc xây dựng nền đạo đức mới và nhân cách con người Việt Nam hiện nay. Giá trị lớn nhất của đạo đức tôn giáo là góp phần duy trì đạo đức xã hội, hoàn thiện nhân cách cá nhân, hướng con người đến Chân - Thiện - Mĩ. Tuy nhiên, đạo đức tôn giáo cũng còn có yếu tố tiêu cực, hướng con người đến hạnh phúc hư ảo và làm mất tính chủ động, sáng tạo của con người. Vấn đề đặt

\*. TS., Học viện Chính trị-Hành chính khu vực III, Tp. Đà Nẵng.

ra là cần tìm ra những điểm tương đồng của đạo đức tôn giáo và đạo đức xã hội nhằm phát huy những giá trị tốt đẹp của tôn giáo và hạn chế sự khác biệt (hay những tác động tiêu cực) của nó đối với việc hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam hiện nay.

Đạo đức, trước hết, hiểu theo nghĩa chung nhất, đó là những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội (nói tổng quát); là phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo những tiêu chuẩn đạo đức mà có (người có đạo đức)<sup>(1)</sup>. Theo nghĩa Triết học, đạo đức là “một trong những hình thái sớm nhất của ý thức xã hội bao gồm những chuẩn mực xã hội điều chỉnh hành vi của con người trong quan hệ với người khác và với cộng đồng (gia đình, làng xóm, giai cấp, dân tộc hoặc toàn xã hội). Căn cứ vào những chuẩn mực ấy, người ta đánh giá hành vi của mỗi người theo các quan niệm về thiện và ác, về cái không được làm (vô đạo đức) và về nghĩa vụ phải làm. Khác với pháp luật, các chuẩn mực đạo đức không ghi thành văn bản pháp quy có tính cưỡng chế, song đều được mọi người (thừa nhận) thực hiện do sự thôi thúc của lương tâm cá nhân và của dư luận xã hội<sup>(2)</sup>. Đạo đức ra đời và phát triển là do nhu cầu của xã hội phải điều tiết mối quan hệ giữa các cá nhân và hoạt động chung của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tính đạo đức biểu hiện bản chất xã hội của con người, là nét cơ bản trong tính người; sự tiến bộ của ý thức đạo đức là cái không thể thiếu trong sự tiến bộ chung của xã hội.

Đạo đức xã hội là một hiện tượng lịch sử và xét cho cùng, là sự phản ánh các

quan hệ xã hội. Khi phê phán Đuyrinh muốn đưa ra một học thuyết đạo đức vĩnh cửu, bất biến, đúng với mọi thời đại lịch sử và mọi dân tộc, Ph. Ăngghen khẳng định: "Xét cho đến cùng, mọi học thuyết về đạo đức đã có từ trước đến nay đều là sản phẩm của tình hình kinh tế của xã hội lúc bấy giờ". Trong xã hội có giai cấp, đạo đức mang tính giai cấp. Mỗi giai cấp đều có đạo đức riêng, có đạo đức của xã hội nguyên thủy, đạo đức của chế độ chiếm hữu nô lệ, đạo đức phong kiến, đạo đức tư sản và đạo đức cộng sản, phản ánh những quan hệ thực tiễn đang làm cơ sở cho vị trí giai cấp của mình, tức là những quan hệ kinh tế mà trong đó, người ta tiến hành sản xuất và trao đổi. Trong xã hội có giai cấp, tư tưởng đạo đức thống trị trong xã hội là tư tưởng đạo đức của giai cấp giữ địa vị thống trị về kinh tế. Giai cấp giữ địa vị thống trị về kinh tế dựa vào bộ máy nhà nước để tuyên truyền, giáo dục và thể chế hóa tư tưởng đạo đức của mình thành những nguyên tắc chuẩn mực đạo đức, biến nó trở thành thước đo đánh giá, điều chỉnh hành vi của các cá nhân trong xã hội, phù hợp với lợi ích của nó. Lợi ích của giai cấp thống trị là duy trì và củng cố những quan hệ xã hội đương có; trái lại, giai cấp bị bóc lột tùy theo nhận thức về những tính bất công của các quan hệ ấy mà đứng lên đấu tranh chống lại và đề ra các quan niệm đạo đức riêng của mình. Và theo Ph. Ăngghen, cho đến nay "không có đạo đức nào là chân chính cả,

1. Viện Ngôn ngữ học. *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, năm 2004, tr. 290.

2. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 1 A-Đ, Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 1995, tr. 738.

nếu nói theo ý nghĩa tuyệt đối cuối cùng" của nó. Tuy nhiên, Ph. Ăngghen cũng không hề phủ nhận giá trị của các học thuyết đạo đức đối với sự phát triển xã hội. Ông cho rằng đối với đạo đức cũng như đối với tất cả các ngành tri thức khác của nhân loại, nói chung người ta thấy có một sự tiến bộ, đó là điều không còn nghi ngờ gì nữa. Và "thứ đạo đức hiện nay đang tiêu biểu cho sự lật đổ hiện tại, biểu hiện cho lợi ích của tương lai, tức là đạo đức vô sản, là thứ đạo đức có một số lượng nhiều nhất những nhân tố hứa hẹn một sự tồn tại lâu dài".

Trong xã hội có giai cấp, đạo đức có tính giai cấp nhưng đồng thời nó cũng mang tính kế thừa nhất định. Các hình thái kinh tế - xã hội thay thế nhau, nhưng xã hội vẫn giữ lại những điều kiện sinh hoạt và những hình thức cộng đồng chung. Tính kế thừa của đạo đức phản ánh "những luật lệ đơn giản và cơ bản của bất kì cộng đồng người nào" (V. I. Lênin). Đó là những yêu cầu đạo đức liên quan đến những hình thức liên hệ đơn giản nhất giữa người với người. Mọi thời đại đều lên án cái ác, tính tàn bạo, tính tham lam, độc ác, hèn nhát, phản bội... và ca ngợi, biểu dương cái thiện, sự dũng cảm, chính trực, độ lượng, khiêm tốn, nhân ái, bao dung... "không ai nghi ngờ được rằng nói chung đã có một sự tiến bộ về mặt đạo đức cũng như về tất cả các ngành tri thức khác của nhân loại" (Ph. Ăngghen). Quan hệ giữa người với người ngày càng mang tính nhân đạo cao hơn. Ngay trong xã hội nguyên thủy đã có những hình thức đơn giản của sự tương trợ và không còn tục ăn thịt người. Với sự xuất hiện của liên minh bộ lạc và nhà nước, tục báo thù của thị tộc

dần dần mất đi. Xã hội chủ nô coi việc giết nô lệ là việc riêng của chủ nô, đến xã hội phong kiến, việc giết nông nô bị lên án. Đạo đức phong kiến bóp nghẹt cá nhân dưới uy quyền của tôn giáo và quý tộc; đạo đức tư sản giải phóng cá nhân và coi trọng nhân cách. "Nhưng chúng ta vẫn chưa vượt được khuôn khổ của đạo đức giai cấp. Một nền đạo đức thực sự có tính nhân đạo, đặt lên trên sự đối lập giai cấp và mọi hoài ức về sự đối lập ấy chỉ có thể có được khi nào xã hội đã tới một trình độ mà trong thực tiễn của đời sống, người ta không những thắng được mà còn quên đi sự đối lập giai cấp" (Ph. Ăngghen). Đó là trình độ của xã hội tương lai - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Như vậy, sự tiến bộ của đạo đức là do những giá trị đạo đức trong lịch sử phát triển của nó tạo thành. Trong các học thuyết về đạo đức, có học thuyết chỉ có giá trị thúc đẩy tiến bộ xã hội ở một thời điểm nhất định nào đó, nhưng cũng có những học thuyết đạo đức có thể có giá trị lâu dài đối với sự phát triển xã hội.

Trong xu thế đổi mới hiện nay, cùng với những chuyển biến căn bản trong đời sống kinh tế - xã hội, sự đổi mới trong tư duy lí luận, trong nhận thức về tôn giáo cũng đã và đang diễn ra. Trước đây, trong một thời gian dài, chúng ta đã coi tôn giáo như là "tàn dư" của xã hội cũ, là kết quả sai lầm trong nhận thức của con người. Gần đây, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có những nhận định mang tính khách quan, khoa học về tôn giáo, xác định tôn giáo còn tồn tại lâu dài và có một số giá trị đạo đức phù hợp với lợi ích của toàn dân, với công cuộc xây dựng xã hội mới và do vậy, cần phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của

tôn giáo. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc hoạch định chính sách tôn giáo, bảo vệ và tu tạo các di sản văn hóa tôn giáo. Việc tìm hiểu, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa đạo đức xã hội và đạo đức tôn giáo có ý nghĩa nhất định trong công cuộc đổi mới hiện nay, khi mà chúng ta cần phải huy động mọi nguồn lực tham gia vào sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó có vấn đề quan trọng là củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và kế thừa, phát huy những "hạt nhân hợp lí", những giá trị văn hóa đạo đức trong tôn giáo vào việc xây dựng nền đạo đức mới, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nếu đi sâu tìm hiểu về đạo đức tôn giáo, chúng ta có thể thấy nhiều quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng, đạo đức tôn giáo không chứa đựng những yếu tố tích cực, tiến bộ, mà hoàn toàn đối lập với đạo đức trần thế, không thể áp dụng vào đời sống hiện thực. Quan điểm khác lại cho rằng, tôn giáo không có đạo đức riêng, đạo đức tôn giáo chỉ là sự vay mượn đạo đức chung của nhân loại và mỗi tôn giáo có thể nhấn mạnh điểm này hay điểm khác...? Để khẳng định có hay không có đạo đức tôn giáo thì cần phải bắt đầu từ các luận điểm sau đây:

*Thứ nhất, cần bắt đầu từ luận điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về đặc điểm phản ánh của ý thức xã hội, nhất là sự tác động lẫn nhau giữa các hình thái ý thức xã hội trong quá trình phản ánh tồn tại xã hội.* Khi chỉ ra nguyên lí về vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội, chủ nghĩa duy vật lịch sử đồng thời cũng chỉ ra rằng, bản thân đời sống ý thức xã hội cũng

có tính độc lập tương đối của nó. Trong quá trình phát triển, các hình thái ý thức xã hội có sự giao lưu, kế thừa và ảnh hưởng lẫn nhau. Như vậy, ý thức tôn giáo không bao giờ tồn tại một cách biệt lập với các hình thái ý thức khác, như đạo đức, thẩm mỹ, chính trị, pháp luật... Giữa chúng có sự liên hệ, tác động qua lại và ảnh hưởng lẫn nhau, tạo ra sự phong phú của mỗi hình thái ý thức xã hội. Trong ý thức tôn giáo không thể không có những yếu tố của tư tưởng đạo đức, thẩm mỹ, văn hóa... và trong điều kiện xã hội có giai cấp, nó còn có cả những yếu tố chính trị, đảng phái nữa. Tôn giáo không thể tồn tại và phát triển qua hàng ngàn năm trong lịch sử của các dân tộc khác nhau trên thế giới, nếu như bản chất của nó chỉ bao gồm những sai lầm, ảo tưởng và tiêu cực. Trong *Phát hiện Ấn Độ*, J. Nehru đã viết: "Rõ ràng là tôn giáo đã đáp ứng một nhu cầu trong tính chất con người và đa số người trên thế giới đều không thể không có một dạng tín ngưỡng nào đó... Tôn giáo đã đưa ra một loại giá trị cho cuộc sống con người, mà dù một số chuẩn mực ngày nay không còn được áp dụng, thậm chí còn tai hại, nhưng những chuẩn mực khác vẫn còn là cơ sở cho tinh thần và đạo đức". Như vậy, có thể nói, trong quá trình phản ánh tồn tại xã hội, giữa hình thái ý thức tôn giáo và hình thái ý thức đạo đức luôn có quan hệ tương tác, đan xen và thâm nhập lẫn nhau. Sự tác động biện chứng đó lại diễn ra trong tính quy định của điều kiện sinh hoạt vật chất xã hội; vì vậy, bản thân tôn giáo chứa đựng những nội dung đạo đức là điều có thể hiểu được.

Với tư cách là những thành tố tạo nên kiến trúc thượng tầng của xã hội, tôn giáo và đạo đức phản ánh tồn tại xã hội

theo các cách khác nhau. Tôn giáo phản ánh một cách hư ảo hiện thực khách quan vào trong đầu óc con người, trong đó, cái hiện thực đã bị biến dạng, cái tự nhiên đã trở thành cái siêu nhiên. Còn đạo đức phản ánh các mối quan hệ của con người với nhau và với xã hội, đó là những mối quan hệ hiện thực.

Thứ hai, *khi xem xét tôn giáo như một hình thái ý thức xã hội độc lập với các hình thái ý thức khác, chúng ta thấy nó chứa đựng nội dung đạo đức (bao gồm giá trị, chuẩn mực, lí tưởng đạo đức...) thể hiện trong giáo lí tôn giáo.* Bất cứ tôn giáo nào cũng có một hệ thống chuẩn mực và giá trị đạo đức nhằm điều chỉnh ý thức và hành vi đạo đức của các tín đồ. Đa số các tôn giáo đều tuyên bố về giá trị tối cao của các lực lượng siêu nhiên (Thượng Đế, Chúa Trời, Thần Thánh, Phật...) và mọi giá trị khác phải lấy đó làm chuẩn. Thực tế cho thấy, quan niệm đạo đức của hầu hết mọi tôn giáo, ngoài những giá trị đặc thù bảo vệ niềm tin tôn giáo thiêng liêng, còn đề cập đến những chuẩn mực đạo đức mang tính nhân loại, như sống hiếu thảo với cha mẹ, trung thực, nhân ái, hướng tới cái thiện, tránh xa điều ác... Trong *Khoa học và tôn giáo*, Bertrand Russell cho rằng, một tôn giáo lớn bao giờ cũng có hệ thống tín điều, hệ thống đạo đức và giáo hội. Người theo tôn giáo không phải sống thế nào cũng được, mà phải sống theo những khuôn phép đạo đức hợp với tín điều của tôn giáo mình; hành động không phải chỉ là thực hành một số hình thức nghi lễ, mà còn phải sống theo những quy tắc đạo đức nhất định. Vì vậy, đương nhiên một số nội dung của đạo đức trở thành bộ phận cấu thành nội dung của tôn giáo. Chẳng hạn, vấn đề trung tâm của Phật giáo là “diệt

khổ” để hướng đến giải thoát, chúng được Niết Bàn. Muốn đạt được điều đó, con người không chỉ cần có niềm tin tôn giáo, mà còn cần cả sự phấn đấu nỗ lực của bản thân bằng cách *thực hành một đời sống đạo đức*. Từ đó, Phật giáo đưa ra những chuẩn mực đạo đức rất cụ thể để con người tu tập, phấn đấu. Trong đó, phổ biến nhất là Ngũ giới (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu) và Thập thiện (ba điều thuộc về thân: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm; ba điều thuộc về ý thức: không tham lam, không thù hận, không si mê; bốn điều thuộc về khẩu: không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai chiều, không ác khẩu). Những chuẩn mực này, nếu lược bỏ màu sắc mang tính chất tôn giáo, sẽ là những nguyên tắc ứng xử phù hợp giữa người với người, rất có ích cho việc duy trì đạo đức xã hội. Hay trong đạo đức Kitô giáo, lời răn yêu thương được xem là nền tảng. Con người trước hết phải yêu Thiên Chúa rồi yêu thương đến bản thân mình. Đây là cơ sở để thực hiện tình yêu tha nhân. Kinh Thánh khuyên con người phải yêu vợ, chồng, cha mẹ, con cái, anh em, làng xóm, cộng đồng... Những điều mà Kinh Thánh răn cấm cũng rất cụ thể: không giết người, không lấy của người, không nói sai sự thật, không ham muốn chồng hoặc vợ của người, không làm chứng dối để hại người... Ngoài ý nghĩa đức tin vào cái siêu nhiên (Thượng Đế, Chúa), những chuẩn mực, quy phạm đạo đức ấy là những quy phạm đạo đức rất cụ thể hướng con người đến điều thiện, tránh xa điều ác. Phải nói rằng, tôn giáo đề cập trực tiếp đến những vấn đề đạo đức cụ thể của cuộc sống thế tục và ít nhiều mang giá trị có tính nhân văn. Trên thực tế, những

giá trị, chuẩn mực đạo đức của các tôn giáo có ý nghĩa nhất định trong việc duy trì đạo đức xã hội. Do vậy, có thể khẳng định rằng, "trong hệ thống những giá trị chuẩn mực tôn giáo, ngoài những điều khuyên răn cấm đoán tạo nên nội dung riêng của đạo đức tôn giáo, còn có những điều khuyên răn cấm đoán không hề có nội dung tôn giáo, mà là biểu hiện của các mối quan hệ thuần túy trần thế".

Thứ ba, *theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta có thể khẳng định rằng, khi bàn về tôn giáo, các nhà kinh điển đã đề cập đến vấn đề đạo đức tôn giáo; trong đó, các ông không chỉ phê phán mặt tiêu cực, mà còn chỉ ra một số ý nghĩa tích cực của đạo đức tôn giáo.* Khi mới ra đời, hầu hết các tôn giáo đều phản ánh khát vọng tự do, bình đẳng của người lao động. C. Mác đã khẳng định: "Sự nghèo nàn của *tôn giáo* vừa là *biểu hiện* của sự nghèo nàn *hiện thực*, vừa là *sự phản kháng* chống sự nghèo nàn hiện thực ấy". Con người bất lực, không kiếm tìm được hạnh phúc nơi trần thế và đành phải tìm hạnh phúc ấy nơi Thiên đường. Tôn giáo gieo vào họ niềm tin ở sự cứu vớt, giải thoát của các đấng siêu nhiên. Ph. Ăngghen đã nghiên cứu lịch sử tôn giáo, đặc biệt là lịch sử Công giáo và chứng minh rằng, sự xuất hiện của tôn giáo này là phản ứng chống lại sự bất công và tàn bạo của chế độ nô lệ. Tương tự như vậy, Phật giáo nguyên thủy là khát vọng của quần chúng phản kháng lại sự phân chia đẳng cấp Balamôn khắc nghiệt của xã hội Ấn Độ cổ đại. Công giáo kêu gọi tình yêu thương giữa con người với con người, Phật giáo chủ trương bình đẳng, từ bi, hỉ xả, vô ngã, vị tha. Ngoài ra, chúng ta còn có thể nêu

lên những nét tích cực của nhiều tôn giáo khác, khi các tôn giáo này xây dựng mối quan hệ yêu thương giữa người với người, hướng con người vào những việc thiện, biết giữ gìn đạo đức và xa lánh những điều ác. Song, cũng phải thừa nhận rằng, C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin không đi sâu vào những vấn đề nói trên. Toàn bộ thời gian của các ông được dành cho việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản của cách mạng, những vấn đề gắn liền với sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động bị áp bức trên toàn thế giới.

Khi phân tích, đánh giá vai trò xã hội của tôn giáo, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin luôn xuất phát từ lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhìn nhận vấn đề tôn giáo theo quan điểm lịch sử, cụ thể và gắn với thực tế sinh động của cuộc sống. V. I. Lênin thường nói đến những tác động tiêu cực của tôn giáo và giáo hội trong từng tình huống cụ thể, nhất là mưu toan lợi dụng tôn giáo của các thế lực phản động hòng bảo vệ chế độ bóc lột và đầu độc quần chúng bị áp bức. Chúng đã biến đạo đức tôn giáo thành bộ áo nguy trang cho lợi ích giai cấp. Điểm nổi bật trong học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo là tôn giáo được xem xét gắn liền với thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Châu Âu đương thời, phục vụ trực tiếp những yêu cầu cách mạng của giai cấp vô sản. Do hoàn cảnh lúc đó, các ông phải nói nhiều đến mặt tiêu cực của tôn giáo, mà chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu các khía cạnh văn hóa, tâm lí, tình cảm, đạo đức của tôn giáo. Tuy nhiên, phải thấy rằng, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin cũng đã lưu ý đến khía cạnh tôn

giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, nhu cầu của sự phát triển xã hội trong những thời kì lịch sử nhất định. Ph. Ăngghen viết: "Tôn giáo do con người tạo ra, bản thân những người này cảm thấy được nhu cầu cần phải có tôn giáo và họ hiểu được những nhu cầu cần có tôn giáo của quần chúng". Theo ông, sự xuất hiện của Kitô giáo ở La Mã cổ đại đã đáp ứng mong muốn được giải phóng của quần chúng nô lệ bị áp bức, nhưng họ lại không tìm được cách giải phóng trong hiện thực. C. Mác đã từng chỉ rõ rằng, chính sự không hoàn thiện của con người đã sản sinh ra một thế giới cần có tôn giáo và ngược lại, tôn giáo cũng đáp ứng những yêu cầu của con người trong các thế giới ấy. Khi bàn về thuyết tạo thần, V. I. Lênin cũng nhìn thấy tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, chỉ có điều là đứng trước kẻ thù đang ra sức đề cao nhu cầu tôn giáo để chống lại cách mạng, ông đã phê phán không thương tiếc những nhà văn tuyên truyền tạo thần và "nâng nhu cầu tôn giáo lên". Về chính sách của Đảng Cộng sản đối với tôn giáo, V. I. Lênin luôn nhắc nhở rằng, không được đối xử với tôn giáo một cách thô bạo, không được công khai tuyên chiến với tôn giáo; cần phải gắn việc phê phán tôn giáo với vận động quần chúng, đưa họ tham gia vào các hoạt động thực tiễn nhằm xây dựng "thiên đường trên Trái Đất".

Như vậy, có thể khẳng định rằng, có một đạo đức tôn giáo và đạo đức ấy mang tính đặc thù, đồng thời, có sự giao thoa giữa những giá trị đạo đức chung toàn nhân loại với đạo đức tôn giáo. Tùy theo hoàn cảnh ra đời và những điều kiện lịch sử cụ thể, tư tưởng đạo đức trong mỗi tôn giáo có những nét đặc thù

riêng biệt, và đạo đức tôn giáo cũng có một số giá trị nhất định trong đời sống xã hội, là một trong những nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền đạo đức xã hội. *Đó cũng chính là những điểm tương đồng giữa đạo đức tôn giáo và đạo đức xã hội.* Do tôn giáo có sự đồng hành lâu dài với con người trong lịch sử, nên có thể xem nó như một phần tài sản văn hóa của nhân loại. Trong quá trình phát triển, lan truyền trên bình diện thế giới, tôn giáo không chỉ đơn thuần chuyển tải niềm tin của con người, mà còn có vai trò chuyển tải, hòa nhập văn hóa và văn minh, *góp phần duy trì đạo đức xã hội nơi trần thế.* Nó có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tinh thần của con người. Với tư cách là một bộ phận của ý thức hệ, tôn giáo đem lại cho cộng đồng xã hội, cho mỗi khu vực, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc những biểu hiện độc đáo thể hiện trong cách ứng xử, lối sống, phong tục, tập quán, trong các yếu tố văn hóa vật chất cũng như tinh thần. Điều dễ nhận thấy là, những hệ thống đạo đức của tôn giáo rất khác nhau về niềm tin, rất xa nhau về địa lí vẫn có một mẫu số chung là nội dung *khuyến thiện.* Điểm mạnh trong truyền thụ đạo đức tôn giáo là, ngoài những điều phù hợp với tình cảm đạo đức của nhân dân, nó còn được thực hiện thông qua tình cảm tín ngưỡng, niềm tin vào giáo lí. Do đó, tình cảm đạo đức tôn giáo được tín đồ tiếp thu, tạo thành đức tin thiêng liêng bên trong và chi phối hành vi ứng xử của họ trong các quan hệ cộng đồng. Hoạt động hướng thiện của con người được tôn giáo hóa sẽ trở nên mạnh mẽ hơn, nhiệt thành hơn.

Là hình thức phản ánh đặc thù, phản ánh hư ảo thế giới hiện thực, tôn giáo

góp phần chế ngự các hành vi phi đạo đức. Do tuân thủ những điều răn dạy về đạo đức của các tôn giáo, nhiều tín đồ đã sống và ứng xử đúng đạo lý, góp phần làm cho xã hội ngày càng thuần khiết. Đặc biệt, đạo đức tôn giáo được hình thành trên cơ sở niềm tin vào cái siêu nhiên (Thượng Đế, Chúa, Phật...) và sau này, Đức Phật cũng được thiêng hóa, nên các tín đồ thực hành đạo đức một cách rất tự nguyện, tự giác. Song, suy cho cùng, việc thực hiện những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức ấy cũng là để phục vụ cho niềm tin siêu nhiên. Sự đan xen giữa hi vọng và sợ hãi, giữa cái thực và cái thiêng đã mang lại cho tôn giáo khả năng thuyết phục tín đồ khá mạnh mẽ. Trên thực tế, chúng ta thấy nhiều người cung tiến rất nhiều tiền của vào việc xây dựng chùa chiền, làm từ thiện... vốn là những tín đồ tôn giáo. Đạo đức tôn giáo hướng con người đến những giá trị nhân bản, góp phần tích cực vào việc hoàn thiện đạo đức cá nhân. Bất kì tôn giáo nào cũng đề cập đến tình yêu. Tinh thần "từ bi" trong Phật giáo không chỉ hướng đến con người, mà còn đến cả muôn vật, cỏ cây. Phật giáo kêu gọi lòng nhân đạo, yêu thương và bảo vệ sự sống. Đặc biệt, trong quan hệ giữa con người với con người, Phật giáo muốn tình yêu thương ấy phải biến thành hành động "bố thí", cứu giúp những người đau khổ hoặc "nhẫn nhục" để giữ gìn đoàn kết. Muốn giải thoát khỏi đau khổ, con người phải tự hoàn thiện đạo đức cá nhân, diệt trừ tham, sân, si, xóa bỏ vô minh, chặt đứt cây "nghiệp" để vượt qua biển khổ luân hồi. Đạo đức của Kitô giáo cũng đề cập đến tình yêu: yêu thương bản thân mình, yêu tha nhân và yêu thiên nhiên; trong đó, yêu tha nhân là trọng tâm của quan

niệm đạo đức về tình yêu. Những chuẩn mực của đạo đức Kitô giáo giúp con người hoàn thiện đạo đức cá nhân trong quan hệ với cộng đồng. Tình yêu tha nhân ở đây không đơn thuần là tình yêu trong tâm tưởng, mà được cụ thể hóa: cho kẻ đói ăn, cho kẻ rách mặc, chăm sóc người ốm đau, bệnh tật, khuyên can người lầm lỗi... Tóm lại, đây là những hành vi đạo đức rất cụ thể, rất thiết thực khi trong xã hội còn nhiều cảnh khổ cần được cứu vớt, giúp đỡ. Tuy nhiên, tình yêu, lòng từ bi mà đạo đức tôn giáo đề cập đến còn chung chung, trừu tượng. Các tôn giáo đều muốn san bằng mọi bất công, mâu thuẫn trong xã hội bằng đạo đức. Ý tưởng đó dù tốt đẹp, nhưng khó có thể hiện thực hóa trong cuộc sống trần thế. Song, có thể nói, việc hoàn thiện đạo đức cá nhân mà đạo đức tôn giáo đề ra nhằm hướng đến mục đích siêu nhiên, hướng đến chốn Thiên Đường của Chúa hay cõi Niết Bàn của Phật, dấu sao vẫn có những tác động tích cực đến đạo đức cá nhân và xã hội, cũng là những điểm tương đồng mà đạo đức xã hội hướng tới.

Tóm lại, đạo đức tôn giáo có nhiều điểm tích cực, phù hợp với đạo đức xã hội. Có thể nói, trong điều kiện hiện nay, việc phân tích vai trò của đạo đức tôn giáo để khẳng định một cách khách quan, khoa học những đóng góp, đồng thời chỉ ra những ảnh hưởng tiêu cực của nó trong đời sống xã hội là điều cần thiết. Hi vọng rằng, những giá trị nhân văn, hướng thiện, những chuẩn mực đạo đức tiến bộ trong tôn giáo sẽ góp phần làm phong phú hệ giá trị đạo đức của dân tộc và hữu ích trong công cuộc xây dựng xã hội mới./.